ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1066 /QĐ-UBND	*Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000)
Khu vực 8 xã Nam Cam Ranh, phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa

Mã số thông tin quy hoạch: 562521005090

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 1667/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Khánh Hòa năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/7/2025 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2025 – 2030;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 19/07/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 2452/KH-UBND ngày 21/8/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trong năm 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh về tăng cường quản lý và tổ chức thực hiện Quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND thành phố Cam Ranh về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực 8 thành phố Cam Ranh;

Căn cứ Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND thành phố Cam Ranh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực 8 thành phố Cam Ranh;

Báo cáo số 370/BC-SXD ngày 13/01/2026 của Sở Xây dựng về Kết quả thẩm định Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu vực 8 xã Nam Cam Ranh, phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hoà;

Các văn bản, quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh tại Tờ trình số 308/TTr-DANNGT ngày 26/01/2026; của Sở Xây dựng tại Văn bản số 370/BC-SXD ngày 13/01/2026, Văn bản số 1877/SXD-QLQHKT ngày 27/02/2026 và Văn bản số 2924/SXD-QLQHKT ngày 25/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu vực 8 xã Nam Cam Ranh, phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hoà với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

1.1. Phạm vi, quy mô

- Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa bàn hành chính 02 xã, phường (sau sắp xếp) gồm xã Nam Cam Ranh, phường Ba Ngòi; có phạm vi

ranh giới giáp tứ cận như sau:

+ Phía Bắc: Giáp khu vực 5 và xã Cam An.

+ Phía Nam: Giáp xã Công Hải.

+ Phía Đông: Giáp khu vực 5 và khu vực 6.

+ Phía Tây: Giáp xã Bác Ái Đông, xã Đông Khánh Sơn và xã Công Hải.

- Tổng diện tích lập quy hoạch: 7.382,44 ha.

1.2. Thời hạn quy hoạch

- Giai đoạn ngắn hạn: đến năm 2030.

- Giai đoạn dài hạn: đến năm 2045.

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

- Phù hợp với định hướng của Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023.

- Cụ thể hóa đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2045 về: mục tiêu phát triển; chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật; định hướng phát triển, tổ chức không gian và phân khu chức năng; định hướng phát triển hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và không gian ngầm.

- Phát triển kinh tế xã hội gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa lịch sử, tự nhiên, đa dạng sinh học.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập các dự án đầu tư và quản lý xây dựng theo Quy hoạch.

3. Tính chất

- Là khu vực bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước mặt của đô thị.

- Là khu vực phát triển dịch vụ du lịch sinh thái.

- Là vùng đệm kết nối du lịch với khu vực lân cận.

- Là khu vực có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ thuận tiện kết nối với các khu vực lân cận góp phần tạo động lực phát triển khu vực Cam Ranh.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch

4.1. Căn cứ lựa chọn chỉ tiêu

Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025, Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 19/07/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2045;

Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND thành phố Cam Ranh về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực 8 thành phố Cam Ranh;

Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND thành phố Cam Ranh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực 8 thành phố Cam Ranh.

4.2. Dự báo quy mô dân số

Quy mô dân số đến năm 2045 khoảng 5.000 người.

4.3. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của hồ sơ quy hoạch

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
I	**Dân số**		
1	Dân số hiện trạng	Người	200
2	Dân số quy hoạch	Người	5.000
II	**Hạ tầng xã hội**		
1	Giáo dục		
-	*Trường tiểu học - trung học cơ sở*	m^2/học sinh	12
-	*Trường mầm non*	m^2/cháu	15
2	Y tế	m^2/công trình	536
3	Văn hóa – Thể dục thể thao		
-	*Thể dục thể thao*	m^2/người	0,64
-	*Trung tâm văn hóa*	m^2/ công trình	3.638
4	Thương mại		
-	Chợ cấp đơn vị ở	m^2/ công trình	2.013
III	**Hạ tầng kỹ thuật**		
1	Bãi đỗ xe	m^2/người	4,28
2	Chỉ tiêu cấp nước		
-	*Sinh hoạt*	lít/ng.ngđ	130
3	Chỉ tiêu nước thải sinh hoạt	Chỉ tiêu cấp nước	90%
4	Chỉ tiêu cấp điện		
-	*Sinh hoạt*	W/người	500

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
-	*Cấp điện công trình công cộng, dịch vụ - thương mại*	%Qsh	35
-	*Chiếu sáng đường phố*	W/m^2	1
-	*Chiếu sáng công viên, vườn hoa*	W/m^2	0,5
5	Chỉ tiêu hạ tầng viễn thông thụ động	line/người	1
6	Chỉ tiêu chất thải rắn	kg/người-ng.đêm	1,0

4.4. Quy mô sử dụng đất

- Đến năm 2030, đất xây dựng khoảng 243,03 ha; đất chức năng khác khoảng 7.139,41 ha.

- Đến năm 2045, đất xây dựng khoảng 263,02 ha; đất chức năng khác khoảng 7.119,42 ha.

5. Các nội dung chính của quy hoạch

5.1. Quy hoạch sử dụng đất

5.1.1. Đất nhóm nhà ở (bao gồm: nhóm nhà ở hiện trạng, cải tạo, chỉnh trang và xây mới)*:* mật độ xây dựng gộp tối đa 60%, tầng cao xây dựng tối đa 07 tầng; hệ số sử dụng đất theo Quy chuẩn Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng; chỉ tiêu cho từng lô đất sẽ được xác định cụ thể tại đồ án Quy hoạch chi tiết và quy định quản lý bàn hành kèm theo Quyết định phê duyệt này.

5.1.2. Đất y tế: Là các công trình trạm y tế, mật độ xây dựng gộp tối đa 40%, tầng cao tối đa 05 tầng, hệ số sử dụng đất theo Quy chuẩn Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng.

5.1.3. Đất giáo dục: Là các công trình trường THCS, tiểu học, mầm non, mật độ xây dựng gộp tối đa 40%, tầng cao tối đa 05 tầng (riêng trường mầm non cao tối đa 03 tầng), hệ số sử dụng đất theo Quy chuẩn Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng.

5.1.4. Đất văn hóa: Là các trung tâm văn hóa phục vụ cấp đơn vị ở, mật độ xây dựng gộp tối đa 40%, tầng cao tối đa 05 tầng, hệ số sử dụng đất theo Quy chuẩn Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng.

5.1.5. Đất thể dục thể thao: Bao gồm trung tâm thể dục thể thao phục vụ cấp đơn vị ở, mật độ xây dựng gộp tối đa 40%, tầng cao tối đa 03 tầng, hệ số sử dụng đất theo Quy chuẩn Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng.

5.1.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng: Là các khu vực công viên, vườn hoa phục vụ cấp đơn vị ở, mật độ xây dựng tối đa 5%, tầng cao tối đa 01 tầng,

hệ số sử dụng đất theo Quy chuẩn quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng.

5.1.7. Đất cây xanh chuyên dụng: Là loại đất cây xanh có chức năng công cộng, phục vụ mục đích chuyên ngành như cách ly công nghiệp, bảo vệ nguồn nước, hành lang hạ tầng kỹ thuật hoặc chức năng khác...được quản lý theo quy định riêng của ngành và sẽ được cụ thể ở đồ án quy hoạch chi tiết.

5.1.8. Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi: mật độ xây dựng gộp tối đa 70%, tầng cao tối đa 07 tầng, hệ số sử dụng đất theo Quy chuẩn quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng) và khu vực dự kiến phát triển công nghiệp là khu vực định hướng cho giai đoạn phát triển dài hạn, vì vậy mật độ xây dựng và tầng cao khu vực này sẽ được định hướng cụ thể khi có nhu cầu triển khai các dự án thành phần nhưng phải đảm bảo theo đúng Quy chuẩn quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng.

5.1.9. Đất dịch vụ: Là đất sử dụng xây dựng công trình công cộng, dịch vụ cấp đơn vị ở, bao gồm các công trình phục vụ hoạt động thương mại, dịch vụ và hỗ trợ phát triển đô thị, mật độ xây dựng gộp tối đa 60%, tầng cao tối đa 05 tầng, hệ số sử dụng đất theo Quy chuẩn quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng.

5.1.10. Đất di tích, tôn giáo: Là khu chức năng xây dựng các công trình di tích, tôn giáo, tín ngưỡng và cả hành lang bảo vệ các công trình di tích này theo quy định, mật độ xây dựng gộp tối đa 60%, tầng cao xây dựng tối đa 07 tầng, đảm bảo tuân thủ theo các chỉ tiêu cơ bản về quy hoạch xây dựng và Quy chuẩn quy hoạch xây dựng QCVN01:2021/BXD của Bộ Xây dựng; đồng thời thực hiện theo quy định riêng của ngành liên quan và sẽ được cụ thể ở đồ án quy hoạch chi tiết.

5.1.11. Đất quốc phòng: Đối với các công trình nhà làm việc, trụ sở cơ quan quốc phòng đảm bảo các chỉ tiêu cơ bản về quy hoạch xây dựng, mật độ xây dựng gộp tối đa 40%, tầng cao tối đa 07 tầng; đồng thời thực hiện theo quy định riêng của ngành liên quan và sẽ được cụ thể ở đồ án quy hoạch chi tiết.

5.1.12. Đất hạ tầng kỹ thuật khác: Là các công trình phục vụ chức năng hạ tầng kỹ thuật đô thị, mật độ xây dựng gộp tối đa 40%, tầng cao xây dựng tối đa 03 tầng, hệ số sử dụng đất theo Quy chuẩn quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng.

5.1.13. Đất bãi đỗ xe: Là các bãi đỗ xe công cộng phục vụ cấp đơn vị ở, mật độ xây dựng gộp tối đa 5%, tầng cao tối đa 01 tầng, hệ số sử dụng đất theo Quy chuẩn quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng. Chỉ tiêu cho từng lô đất sẽ được xác định cụ thể tại đồ án quy hoạch chi tiết.

5.1.14. Đất nghĩa trang: Là đất để làm nơi mai táng tập trung, đất có công trình làm nhà tang lễ và công trình để hoả táng. Đối với nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Mật độ xây dựng gộp tối đa 40%, tầng cao xây dựng tối đa 03 tầng,

hệ số sử dụng đất tuân thủ theo Quy chuẩn Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng. Quản lý nghĩa trang đảm bảo cảnh quan tự nhiên, vệ sinh môi trường và các quy định hiện hành.

5.1.15. Đất lâm nghiệp: Tuân thủ theo quy định của ngành lâm nghiệp và các quy định có liên quan nhằm bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, đảm bảo môi trường sinh thái.

5.1.16. Khu vực đất chưa sử dụng: Là các khu vực đồi núi, các khu vực đất bằng chưa sử dụng trong khu vực lập quy hoạch. Các khu vực này sẽ là quỹ đất dự trữ phát triển trong tương lai. Các hoạt động xây dựng trong khu vực này phải được các cơ quan quản lý quyết định theo thẩm quyền.

5.1.17. Sông, suối, kênh, rạch và các hồ ao: Phát triển, tôn tạo cảnh quan môi trường, tạo hành lang xanh đô thị và không gian xanh kết nối. Các khu vực này được quản lý theo quy định riêng của ngành.

5.2. Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội

5.2.1. Hệ thống công trình văn hóa – thể thao:

- Đối với các công trình hiện hữu: Thực hiện cải tạo, chỉnh trang theo quy mô hiện trạng sử dụng, đảm bảo an toàn công trình, hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

- Đối với công trình xây mới: Thực hiện theo quy hoạch, quy chuẩn hiện hành và các quy định khác có liên quan.

5.2.2. Hệ thống y tế – chăm sóc sức khỏe:

- Đối với các công trình hiện hữu: Thực hiện cải tạo, chỉnh trang, quản lý theo hiện trạng.

- Các công trình trạm y tế xây mới: Thực hiện theo quy hoạch và đảm bảo theo Quy chuẩn Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng.

5.2.3. Hệ thống giáo dục, đào tạo:

- Đối với công trình hiện hữu: Thực hiện cải tạo, chỉnh trang, quản lý theo hiện trạng.

- Các công trình giáo dục, đào tạo xây dựng mới: Các trường mầm non, trường tiểu học, trường THCS, trường THPT thực hiện theo quy hoạch và đảm bảo theo Quy chuẩn Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng.

5.2.4. Hệ thống thương mại, dịch vụ:

Hình thành mạng lưới các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ....theo các cấp phục vụ, kết hợp với việc cải tạo và nâng cấp các công trình hiện có, chú trọng đáp ứng nhu cầu diện tích bãi đỗ xe.

5.2.5. Hệ thống công viên, cây xanh:

Hình thành công viên, cây xanh công cộng tại các nhóm nhà ở theo quy hoạch. Khuyến khích phát triển các mảng xanh đô thị tại các vỉa hè, đảo giao thông, các công trình công cộng, dịch vụ...

5.3. Bố cục, tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan toàn khu

- Tuân thủ điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2045, Quy hoạch tỉnh, các quy hoạch chuyên ngành hoàn thiện và khớp nối các dự án đã và đang triển khai trong phạm vi liền kề về không gian kiến trúc cũng như hạ tầng kỹ thuật sao cho khai thác quỹ đất hiệu quả nhất để phát triển các khu chức năng đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Khu vực lập quy hoạch dự kiến có 01 khu đơn vị ở với đầy đủ chức năng của khu dân cư bao gồm: các nhóm nhà ở; các công trình dịch vụ - công cộng như trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế, nhà văn hóa, sân luyện tập, chợ; cây xanh công cộng phục vụ cho nhu cầu thường xuyên, hàng ngày của cộng đồng dân cư; đường giao thông (đường từ cấp phân khu vực đến đường nhóm nhà ở) và bãi đỗ xe.

- Đối với các khu dân cư hiện hữu tiếp tục duy trì mật độ và khống chế tầng cao xây dựng đảm bảo phù hợp. Các khu dân cư mới, khuyến khích phát triển mô hình nhà vườn, mật độ thấp.

- Khớp nối đồng bộ với các dự án, quy hoạch đã được phê duyệt. Kết nối các khu vực dân cư hiện hữu đảm bảo phục vụ nhu cầu ở, sinh hoạt của người dân trong vùng quy hoạch.

- Đảm bảo các nhu cầu về hạ tầng xã hội: công trình công cộng, hạ tầng xã hội, các khu công viên, cây xanh, mặt nước... tạo nên một khu vực có chất lượng cao về môi trường, cảnh quan.

- Đảm bảo tính tổng thể và khả năng phát triển của cơ cấu quy hoạch thống nhất trong từng giai đoạn. Khai thác có hiệu quả các giá trị tiềm năng cảnh quan tự nhiên.

- Bảo đảm tính hợp lý của tổ chức không gian các khu chức năng cũng như đảm bảo tính bền vững của môi trường và cảnh quan thiên nhiên.

- Không gian quy hoạch kiến trúc phải đạt được các yêu cầu về tổ chức không gian, đảm bảo môi trường sống và làm việc hiện đại, tiện nghi cao đáp ứng nhu cầu phát triển dài hạn.

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan các khu vực chức năng rõ ràng, mạch lạc, gắn kết với những giá trị cảnh quan tự nhiên phong phú của khu vực thiết kế.

5.4. Định hướng phát triển về không gian ngầm

- Xây dựng các công trình ngầm trong đô thị cần tiến hành một cách tổng thể và có quy hoạch đảm bảo sự khớp nối giữa công trình trên mặt đất và dưới

mặt đất thành một thể thống nhất. Khuyến khích phát triển không gian ngầm cho các mục tiêu công cộng, bãi đỗ xe, dịch vụ và bố trí hạ tầng ngầm tại các khu vực trọng tâm, các tổ hợp công trình quan trọng;

- Quy hoạch không gian ngầm đô thị bao gồm: Các công trình công cộng ngầm, công trình giao thông ngầm, hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm và phần ngầm của các công trình xây dựng trên mặt đất là tầng hầm và bộ phận của công trình nằm dưới mặt đất. Ranh giới xây dựng công trình ngầm sẽ được cụ thể hoá ở các bước sau nhưng không vượt quá chỉ giới xây dựng của lô đất quy hoạch. Các không gian xây dựng ngầm phải tuân thủ các quy chuẩn hiện hành có liên quan.

- Vị trí công trình ngầm: Nhằm tiết kiệm quỹ đất, trong tương lai tại các khu vực xây dựng công trình công cộng, dịch vụ, sẽ khuyến khích xây dựng các không gian kỹ thuật ngầm và bãi đỗ xe phục vụ nhu cầu đỗ xe khu vực.

5.5. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.5.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

a) Cao độ nền xây dựng

- Cơ bản tuân thủ theo định hướng Quy hoạch chung, đồng thời dựa vào hiện trạng mới khảo sát, dự kiến giải pháp chuẩn bị kỹ thuật như sau:

- Các khu vực xây dựng mới:

+ Tổ chức san nền cục bộ, tận dụng tối đa nền tự nhiên, hạn chế đào đắp. Các vị trí đào hoặc san lấp có mái ta luy dốc, các khu vực tiếp giáp với mặt nước cần có giải pháp ổn định mái dốc, tránh xói lở vào mùa mưa lũ.

+ Độ dốc trong các khu san nền $0,5\% \leq i \leq 3\%$ để đảm bảo thoát nước mặt tự chảy. Các khu vực cần tiến hành san nền với diện tích lớn chênh cốt cao, bố trí san nền giật cấp, giữa các cấp san nền bố trí mái taluy gia cố.

+ Cao độ nền cho từng khu vực được xác định theo địa hình tự nhiên và các yếu tố ao hồ, sông suối tiếp giáp với khu vực.

- Các khu vực chỉnh trang:

+ Cơ bản theo cao độ nền hiện trạng, từng bước tôn nền các khu vực thấp trũng có khả năng bị ngập úng cục bộ đến cao độ cao hơn mực nước ngập tính toán tối thiểu 0,30 ÷ 0,5m.

- Các khu vực khác:

+Tuân thủ cao độ đã được khống chế trên đường Quốc lộ 27B, đường chính hiện hữu để đấu nối, gắn kết các tuyến đường nhánh với các trục đường chính trong khu vực.

+ Tuân thủ cao độ đã được khống chế theo quy hoạch chung.

+ Giải pháp san nền căn cứ vào chức năng và tính chất của khu vực.

- San lấp trên nguyên tắc tạo quỹ đất xây dựng và độ dốc thích hợp cho giao thông, thu, thoát nước mặt về đầm.

- Với những công trình có chiều dài lớn, có thể xây giật cấp từng đơn nguyên nhằm tạo không gian phù hợp với độ dốc địa hình, giảm khối lượng san ủi,…

- Trước khi san lấp cần phát quang cỏ, vét hữu cơ trung bình 30cm và vét bùn ao mương trung bình 50cm sau đó đắp trả bằng vật liệu san nền.

- Khu vực có nền tự nhiên cao ráo: Cao độ nền bám sát cao độ nền tự nhiên hạn chế khối lượng đào, đồng thời cần đảm bảo điều kiện về độ dốc dọc tối đa trong đô thị.

- Khu vực dân cư hiện trạng, có cốt nền ổn định, ít chịu ảnh hưởng của thuỷ văn, giữ nguyên cao độ nền xây dựng, tôn nền theo từng giai đoạn đến khi đạt cao độ thiết kế tối thiểu theo định hướng từ quy hoạch chung. Trong quá trình san nền có thể kết hợp tổ chức đê bao, trạm bơm để đảm bảo thoát nước, tránh ngập úng cục bộ.

- Các khu vực địa hình đồi núi có nguy cơ sạt lở:

+ Cao độ san nền thấp nhất đảm bảo không bị ngập úng, thuận tiện cho giao thông và thoát nước mưa được tính toán dựa vào số liệu thuỷ văn, hải văn khu vực vùng Vịnh Cam Ranh và tuân thủ theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cam Ranh tỉnh Khánh Hòa đến năm 2045 và Quy hoạch chung xây dựng thành phố Cam Ranh đến 2035 phê duyệt năm 2016 theo hệ cao độ quốc Gia, kết hợp với công tác điều tra khảo sát thực địa. Cao độ khống chế cho khu vực quy hoạch có tính đến biến đổi khí hậu và nước biển dâng Cao độ khống chế nền xây dựng ≥2,85m theo hệ cao độ Quốc gia (Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa chọn cao độ xây dựng Hxd ≥2,90m) cộng với chiều cao an toàn theo QCVN 01:2021/ BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Theo đó, cao độ nền xây dựng đối với khu vực quy hoạch phân khu 8 được xác định như sau:

+ Đối với khu dân dụng: Cao độ xây dựng khống chế Hxd ≥ +2,90m

+ Các khu vực có cao độ nền lớn hơn +2,90 m, cố gắng bám sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ, tạo hướng dốc địa hình giải quyết thoát nước.

+ Khu vực xây dựng hiện hữu có cao độ nền ≤ 2,90m, nâng nền tới cao độ xây dựng khống chế +2,90m.

+ Đối với khu công nghiệp: Cao độ xây dựng khống chế Hxd ≥ +3,0m.

b) Thoát nước mưa

- Hướng thoát nước chính theo hướng Bắc – Nam.

- Giải pháp thoát nước mưa cho khu dự án là thiết kế hệ thống thoát nước riêng với nước thải sinh hoạt. Nước mưa trên toàn bộ bề mặt khu vực thiết kế sẽ được gom về các tuyến cống bê tông thoát nước dọc theo các trục giao thông sau đó được thoát ra phía đầm.

- Tuyến thoát nước mưa bám sát theo định hướng của quy hoạch chung.

- Tiến hành chia toàn bộ khu vực thành nhiều lưu vực thoát nước nhỏ đề nhằm mục đích thu gom 100% lượng nước mưa từ nơi phát sinh ra nguồn tiếp nhận một cách nhanh nhất, ngoài ra còn nhằm mục đích tránh lưu lượng dồn về một lưu vực => Giảm khẩu độ đường kính.

- Độ dốc đặt cống: Trên cơ sở bám sát độ dốc địa hình thiết kế tuy nhiên vẫn phải đảm bảo độ dốc cống tối thiểu 1/D.

- Hệ thống thoát nước mưa của khu vực được xây dựng là mương hộp BTCT đối với các tuyến đường qua khu vực đông dân cư, và rãnh dạng hở thiết diện hình thang đối với các khu vực giáp chân taluy dương để thu nước.

5.5.2. Quy hoạch giao thông

a) Giao thông đường bộ:

* Đường sắt: Tuân thủ theo định hướng phát triển của Quy hoạch chung

* Đường bộ:

+ Đường cao tốc Bắc – Nam (CT.01): Đoạn qua địa bàn tỉnh Khánh Hòa có tổng chiều dài 145 km, quy mô hoàn chỉnh 06 làn xe cơ giới (nền đường rộng 32,25 m), giai đoạn đầu đầu tư xây dựng với quy mô 04 làn xe (nền đường rộng 17m).

Đoạn Nha Trang – Cam Lâm: điểm đầu tại Km5+783 thuộc xã Diên Thọ - Diên Khánh, điểm cuối Km54+000 thuộc địa phận xã Cam Thịnh Tây – Cam Ranh, giáp ranh Ninh Thuận, dài 49 km.

+ Đường QL.27B: Quy hoạch lộ giới 56 m bao gồm đường gom 2 bên, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô quy mô 4 – 6 làn xe.

+ Đường ĐT.656B: Quy hoạch lộ giới 30m (5,0+20,0+5,0), đạt tiêu chuẩn cấp III.

* Đường khu vực:

- Phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn trùng với lộ giới của các tuyến đường.

+ Đường số 38 (đường Suối Hành): Mặt cắt 3-3 lộ giới 20,0m (4,0+12,0+4,0);

- Đường phân khu vực: Đường QH1, QH2: mặt cắt 4-4 lộ giới 13,0m (3,0+7,0+3,0).

b) Các công trình phục vụ giao thông:

- Bố trí 10 bãi đỗ xe với diện tích khoảng 2,14 ha đảm bảo theo quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD. Hành lang an toàn trùng với chỉ giới xây dựng của các bãi đỗ xe.

5.5.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

a) Nhu cầu dùng nước: Khoảng 1.155,3 m^3/ngđ. (bao gồm cấp nước chữa cháy)

b) Nguồn nước:

Nước mặt: Hồ Tà Rục, cung cấp nước tưới, sinh hoạt và công nghiệp. Hồ có dung tích: Wtb= 23,93 triệu m3, Whi= 20,53 triệu m^3.

- Giai đoạn đầu: Khi dự án chưa hình thành đầy đủ các chức năng sử dụng đất:

+ Nguồn nước sạch: Nguồn nước lấy từ nhà máy nước Cam Phước Tây làm nguồn nước chính. Hạn chế việc khai thác và sử dụng nước ngầm để làm nguồn dự trữ chiến lược trong tương lai;

+ Công trình đầu mối: Nhà máy nước Cam Phước Tây, công suất 25.000 (m^3/ngđ), nguồn nước hồ Tà Rục.

+ Nguồn nước tưới: Nước tưới được lấy từ nguồn nước thải sau khi được xử lý đạt chuẩn theo quy định.

- Giai đoạn sau: Khi đô thị đi vào hoạt động và đã có đầy đủ các chức năng về nhà ở, hạ tầng xã hội cũng như là các loại hình dịch vụ thì cần có phương án cải tạo và nâng cấp hệ thống đường ống truyền tải và đường ống phân phối trên địa bàn; Nguồn nước: Như định hướng theo quy hoạch chung, sử dụng nguồn từ nhà máy nước Cam Ranh.

c) Mạng lưới đường ống:

- Đấu nối với đường ống cấp nước hiện trạng có đường kính Ø110

- Xây dựng mạng lưới đường ống cấp nước phân phối cho khu quy hoạch với đường kính Ø110 kết nối với các tuyến ống cấp nước truyền tải hiện hữu và đã định hướng theo quy hoạch chung, tạo thành mạng vòng khép kín đảm bảo an toàn cấp nước cho các khu chức năng của của khu vực.

d) Cấp nước chữa cháy

- Lưu lượng cấp nước chữa cháy: Lưu lượng cấp nước chữa cháy 10 (l/s), số đám cháy 1, thời gian 3 giờ. Công suất chữa cháy 108 (m^3).

- Hệ thống cấp nước chữa cháy là hệ thống kết hợp với cấp nước sinh hoạt áp lực thấp. Dựa vào hệ thống cấp nước chính của khu quy hoạch bố trí họng lấy nước chữa cháy Ø100 đặt cách nhau khoảng 150m. Ngoài ra khi có sự cố cháy cần bổ sung thêm nguồn nước mặt của sông, suối, kênh gần nhất để chữa cháy.

5.5.4. Hệ thống cấp năng lượng và chiếu sáng

a) Nhu cầu sử dụng điện: khoảng 2,6 MVA.

b) Nguồn điện:

- Nguồn cung cấp điện cho khu quy hoạch được lấy trạm biến áp trạm 110kV Nam Cam Ranh (công suất hiện hữu 16+25MVA). Theo Quy hoạch tỉnh, tăng công suất trạm biến áp Nam Cam Ranh lên 2x63MVA để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho khu vực quy hoạch và các khu lân cận.

- Quản lý hành lang cách ly đường điện, công trình điện phải tuân thủ theo Luật Điện lực 61/2024/QH15; Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/03/2025 của Chính Phủ ban hành Quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện.

- Khi lập các đồ án quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng phải dành quỹ đất bố trí hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không tuân thủ theo quy định tại Điều 09 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/03/2025.

- Trong khu vực nội thị, hệ thống đường dây hạ thế và chiếu sáng xây mới phải quy hoạch đi ngầm, hệ thống đường dây hạ thế và chiếu sáng hiện hữu phải được cải tạo theo hướng hạ ngầm. Ngoài ra, các công trình cấp điện phải tuân thủ QCVN 01:2021/BXD.

- Mạng lưới: căn cứ vào một số nguyên tắc trên đưa ra phương án đi dây như sau: quy hoạch các tuyến dây trung thế 22kV đi dọc các trục đường chính giao thông và các nơi có phụ tải lớn để đảm bảo cho việc thi công và dễ đấu nối. Mạng lưới 22kV được thiết kế đi ngầm và nối vòng với nhau để đảm bảo an toàn cấp điện liên tục khi xảy ra sự cố.

c) Mạng lưới cấp điện

Tuyến trung thế 22kV cấp cho các trạm biến cáp sử dụng cáp ngầm CXV/SE/DSTA/PVC-24kV. Cáp luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE tiết diện thích hợp.

Mạng lưới trung thế thiết kế dạng mạch vòng vận hành hở bám theo quy hoạch chung, đảm bảo cung cấp điện liên tục khi xảy ra sự cố;

d) Chiếu sáng đô thị

Đầu tư xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đồng bộ, đủ tiêu chuẩn cho các tuyến đường giao thông cải tạo hoặc xây mới.

5.5.5. Hạ tầng viễn thông thụ động

a) Nhu cầu thuê bao: 6.437 thuê bao.

b) Nguồn cấp:

Nguồn cấp thông tin cho khu quy hoạch theo định hướng từ QHC thì khu vực được lấy từ truyến cáp tin hiệu từ Nha Trang cấp đến sau đó kết nối vào tổng đài nội hạt được quy hoạch mới trong khu vực quy hoạch (công suất dự kiến 100.000 thuê bao).

c) Mạng lưới:

- Đầu tư xây dựng mới một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia và quốc tế. Các tuyến cáp quang sẽ được đi ngầm trong tuyến cống bể để đưa tới đến chân các công trình.

- Xây dựng hệ thống viễn thông đi ngầm trong hệ thống cống bể. Các tuyến cáp viễn thông đi dưới vỉa hè hoặc lòng đường và các đường cáp đi trong ống đều có phương án dự phòng phát triển. Hệ thống viễn thông trong trường hợp bố trí đi chung với các hệ thống hạ tầng khác như hệ thống điện, cấp thoát nước,... đi trong tuy nen, hào kỹ thuật phải tuân thủ các quy định tại QCVN 07-3:2023/BXD.

d) Hệ thống cột ăng ten

- Các khu vực đô thị, khu dân cư xây dựng mới yêu cầu cao về mỹ quan sẽ ngưng cho phát triển cột ăng ten cồng kềnh (A2).

- Từng bước triển khai cải tạo, chuyển đổi cột ăng ten cồng kềnh (A2) sang cột ăng ten không cồng kềnh (A1).

- Triển khai xây dựng, lắp đặt mới các cột ăng ten ở các khu dân cư mới, khu trung tâm đô thị nhưng phải đảm bảo theo hướng thân thiện môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị tại các khu vực (các cột ăng ten này được khảo sát và lắp đặt bởi các công ty dịch vụ viễn thông và được thiết kế ở bước sau).

5.5.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

5.5.6.1 Thoát nước thải:

a) Tổng lưu lượng thoát nước thải: khoảng 650,0 m^3/ngđ

b) Hệ thống:

* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ công trình công cộng, dịch vụ và khu dân cư trước khi đổ vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý cục bộ trong từng công trình. Tất cả các khu vệ sinh đều phải có bể tự hoại 3 ngăn, xây đúng quy cách, để xử lý sơ bộ tránh ô nhiễm môi trường và làm tắc nghẽn hệ thống cống dẫn.

* Nước thải y tế:

- Nước thải trạm y tế phải được tách làm hai loại:

+ Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, của cán bộ công nhân viên y tế phải được xử lý qua bể tự hoại xây dựng đúng quy cách, trước khi xả vào cống nước thải đô thị.

+ Nước thải y tế nguy hại phải được xử lý riêng, đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả ra cống thoát nước thải đô thị.

5.5.6.2 Quản lý chất thải rắn:

- Dự báo lượng chất thải của khu vực quy hoạch là khoảng 6 tấn/ngày.

- Rác thải được phân loại tại nguồn, tập trung trong các thùng sau đó được đưa đến khu xử lý chất thải rắn diện tích khoảng 9,5 ha tại xã Nam Cam Ranh để xử lý.

- Với các nơi công cộng như khu vực công viên cây xanh, đường trục chính... đặt các thùng rác nhỏ có nắp kín dung tích tối thiểu là 100lít và không lớn hơn 1m^3 khoảng cách 100m/thùng.

- Ưu tiên sử dụng các công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, đảm bảo giảm dần tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đáp ứng về mục tiêu quản lý tổng hợp chất thải rắn trong từng thời kỳ phát triển.

5.5.6.3 Nghĩa trang:

- Từng bước đóng cửa các nghĩa trang nằm rải rác trong khu vực phát triển đô thị không còn khả năng mở rộng ảnh hưởng đến khu dân cư hiện trạng, khoanh vùng trồng cây xanh, khi có điều kiện từng bước di dời về nghĩa trang nhân dân của đô thị trong tương lai.

- Bố trí quy hoạch 01 khu nghĩa trang nhân dân mới trong Khu vực 8, diện tích khoảng 1,33ha.

5.6. Giải pháp bảo vệ môi trường

5.6.1. Các giải pháp chính về bảo vệ môi trường

- Giảm thiểu tác động do nước thải, chất thải rắn và ô nhiễm không khí

- Một số khu chức năng được bố trí thưa thoáng với mật độ xây dựng thấp, xen kẽ là các công viên cây xanh tạo lập được một môi trường sinh thái phong phú đa dạng, hạn chế được các tác nhân gây ô nhiễm do vấn đề đô thị hóa gây ra.

- Giám sát chặt chẽ tác động môi trường trong quá trình phát triển đô thị; đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

5.6.2. Các giải pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu

Thực hiện đúng các quan điểm quy hoạch dành nhiều diện tích cho cây xanh và mặt nước giúp tăng khả năng tiêu thoát nước vào mùa mưa, thoát lũ và tăng cường khả năng điều hóa vi khí hậu vào mùa khô.

5.7. Phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện

5.7.1. Phân kỳ đầu tư

- Đến năm 2030: thực hiện cải tạo chỉnh trang các khu vực dân cư hiện hữu; hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông chính; triển khai các hạng mục chỉnh trang đô thị: cây xanh, công viên. Triển khai các công trình hạ tầng xã hội: trường học, dịch vụ thương mại,...

- Đến năm 2045: Hoàn thiện phát triển đô thị theo quy hoạch.

5.7.2. Nguồn lực thực hiện

- Đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, mạng lưới giao thông cấp đô thị, sử dụng nguồn ngân sách từ địa phương và các nguồn khác.

- Đối với các khu vực phát triển mới, đề xuất lập dự án đầu tư và kêu gọi nhà đầu tư thực hiện.

5.8. Những quy định về quản lý xây dựng theo quy hoạch

Quản lý quy hoạch xây dựng thực hiện theo Chương IV Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung); Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; đồng thời tuân thủ theo quy hoạch phân khu đã được phê duyệt, các quy định hiện hành của UBND tỉnh về quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Nội dung quy hoạch phân khu sau khi được UBND tỉnh phê duyệt sẽ cụ thể hóa phạm vi liên quan của Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2045 đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 19/07/2024.

Trên cơ sở quy hoạch phân khu được duyệt, yêu cầu Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh:

- Chủ động rà soát hoàn thiện hồ sơ, các nội dung thuyết minh, bản vẽ, quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành trước khi tổ chức công bố công khai theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã tổ chức công bố công khai theo quy định pháp luật toàn bộ nội dung hồ sơ quy hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải trên Cổng thông tin quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị Việt Nam; Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng, Ban Quản

lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh, UBND cấp xã.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính pháp lý của các số liệu, tài liệu sử dụng để lập quy hoạch; chịu trách nhiệm về nội dung đánh giá hiện trạng, thực trạng phát triển khu vực lập quy hoạch; đảm bảo tuân thủ quy hoạch chung và phù hợp với quy hoạch chuyên ngành.

- Chịu trách nhiệm giải quyết các nội dung phát sinh do khiếu nại, khiếu kiện trong quá trình thực hiện quy hoạch; đảm bảo trật tự xã hội, quốc phòng, an ninh, tính khả thi; bảo đảm công khai, minh bạch và kết hợp hài hòa giữa lợi ích của nhà nước, cộng đồng và cá nhân, doanh nghiệp, đúng quy định pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân xã Nam Cam Ranh, Ủy ban nhân dân phường Ba Ngòi:

- Phối hợp Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh tổ chức công bố công khai nội dung quy hoạch được duyệt; bàn giao và lưu trữ hồ sơ quy hoạch theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch đồng bộ với việc đầu tư thực hiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; rà soát, điều chỉnh các quy hoạch cấp dưới trái với quy hoạch này (nếu có); rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có liên quan để đảm bảo tính đồng bộ (nếu có). Chủ động xem xét, điều chỉnh, quyết định tiến độ triển khai thực hiện quy hoạch; việc phân kỳ đầu tư, chương trình và dự án ưu tiên đầu tư phát triển trên cơ sở nguồn lực và nhu cầu của địa phương.

- Đảm bảo nguồn lực thực hiện quy hoạch; ưu tiên tập trung nguồn lực triển khai các công trình kết cấu hạ tầng, công trình hạ tầng giao thông và các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội thiết yếu; cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp đối với hệ thống làng xóm dân cư, hệ thống hạ tầng xã hội nhằm đảm bảo đồng bộ.

- Khi triển khai thực hiện quy hoạch được duyệt phải đảm bảo tuân thủ các quy định có liên quan: Luật Di sản văn hóa, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Kiến trúc, Luật Thủy lợi, Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo,...; đảm bảo quốc phòng, an ninh, an toàn phòng chống lũ, biến đổi khí hậu; sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, phát triển bền vững kinh tế - xã hội và môi trường đô thị.

- Quản lý xây dựng, thực hiện đúng mục tiêu, tính chất, chỉ tiêu theo quy hoạch được duyệt; triển khai bảo đảm tiến độ thực hiện quy hoạch; công khai, minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật trong sử dụng đất đai; xử lý tài sản công cần thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình

thực hiện quy hoạch. Quản lý về đất đai, trật tự xây dựng để đảm bảo triển khai đúng quy hoạch đã định hướng; không gây thất thoát, lãng phí tài nguyên, tính toán đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng xã hội.

- Có trách nhiệm phối hợp Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh giải quyết các nội dung phát sinh do khiếu nại, khiếu kiện trong quá trình thực hiện quy hoạch; đảm bảo trật tự xã hội, quốc phòng, an ninh, tính khả thi; bảo đảm công khai, minh bạch và kết hợp hài hòa giữa lợi ích của nhà nước, cộng đồng, cá nhân và doanh nghiệp, đúng quy định pháp luật.

3. Các Sở: Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; UBND xã Nam Cam Ranh, UBND phường Ba Ngòi và các đơn vị liên quan phối hợp cùng Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh Khánh Hòa quản lý khu quy hoạch theo chức năng của ngành và theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND xã Nam Cam Ranh; Chủ tịch UBND phường Ba Ngòi; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng: TH, KGVX, KT, XDNĐ;
- Lưu: VT, SV, TV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hòa Nam